

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC**

Số **740** /TCTLTMB-KHQLV
V/v Kế hoạch sản xuất kinh doanh và
đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016
2020.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **16** tháng **9** năm 2016

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Triển khai Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty Lương thực miền Bắc báo cáo Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Lương thực miền Bắc như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 3568/QĐ-BNN-QLDN ngày 30 tháng 08 năm 2016, Tổng công ty xin gửi kèm theo đây.

Tổng công ty trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./. *η*

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐTV (đề b/c);
- TGD, KSV;
- Ban KHQLV, Tổ QLTTĐT;
- Lưu VT, TCLĐ.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG
CÔNG TY
LƯƠNG THỰC
MIỀN BẮC
M.S.D. 0101000000
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI



Trần Xuân Chính

Số: 3568/QĐ-BNN-QLDN

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

**phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm (2016-2020)
của Tổng công ty Lương thực miền Bắc**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 12/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Theo Phiếu chuyển số 639/PC-VPCP ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ và đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm (giai đoạn 2016-2020) của Tổng công ty Lương thực miền Bắc (Tổng công ty) với những nội dung chính sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng Tổng công ty trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về chế biến, kinh doanh lương thực, nông sản của Việt Nam;

- Phát triển kinh doanh theo hướng đa dạng các sản phẩm lương thực, nông sản chất lượng cao, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Nâng cao giá trị thương mại các mặt hàng gạo, muối xuất khẩu, kinh doanh lương thực nội địa và chế biến lương thực, thực phẩm theo hướng đa sở hữu để thu hút vốn và kinh nghiệm của các đối tác khác;

- Kinh doanh lương thực; tham gia tiêu thụ lương thực hàng hóa của nông dân, góp phần bình ổn thị trường trong nước, xuất khẩu lương thực và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và điều tiết kinh tế vĩ mô;

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh, tăng cường liên kết 04 nhà (nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông) để đảm bảo quy trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ thống nhất và khép kín;

- Phát triển chuỗi giá trị lúa gạo; phát triển sản phẩm gạo chất lượng cao, đặc sản, có khả năng cạnh tranh cao mang thương hiệu Vinafood1 gắn với thương hiệu gạo quốc gia;

- Hình thành và đưa vào hoạt động từ 200-500 ha vùng muối nguyên liệu chất lượng cao, đảm bảo năng lực sản xuất và tiêu thụ khoảng 50.000 tấn muối/năm;

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Tổng công ty; hoàn thành nhiệm vụ Nhà nước giao.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 6,52% tổng doanh thu đạt 21.691 tỷ đồng vào năm 2020. Trong đó Công ty mẹ tăng trưởng doanh thu bình quân 4,27%/năm với tổng doanh thu, thu nhập đạt 11.117 tỷ đồng vào năm 2020;

- Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng bình quân 5,36%/năm, đạt 283 tỷ đồng vào năm 2020. Trong đó, Công ty mẹ tăng bình quân 5,88%/năm và đạt 278 tỷ đồng vào năm 2020;

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu hàng năm đạt bình quân là 1,4%, trong đó Công ty mẹ đạt 2,59%;

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư của chủ sở hữu đạt bình quân 6,1%/năm, trong đó Công ty mẹ đạt 6%/năm;

- Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt 427 triệu USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu của Công ty mẹ năm 2020 là 272 triệu USD;

- Đầu tư phát triển bình quân hàng năm đạt khoảng 285 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ là 199 tỷ đồng;

- Nộp ngân sách nhà nước bình quân hàng năm khoảng 258 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ là 245 tỷ đồng;

- Tổng số lao động bình quân hàng năm là 4.502 người/năm, lao động đến năm 2020 đạt 4.558 người. Trong đó, Công ty mẹ bình quân hàng năm là 608 người/năm, đến năm 2020 là 636 người;

- Thu nhập bình quân đầu người hàng năm khoảng 6,324 triệu đồng/người/năm; trong đó, Công ty mẹ bình quân đầu người hàng năm khoảng 8,16 triệu đồng/người/năm.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH SẢN XUẤT CHÍNH

1. Về lương thực

- Tiếp tục duy trì và phát triển các thị trường gạo tập trung đã có, đồng thời tăng cường công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị phần, tăng cường khả năng cạnh tranh để củng cố thị trường truyền thống, đẩy mạnh khai thác thị trường mới. Phân đấu đến năm 2020 tổng sản lượng lương thực bán ra đạt khoảng 2,5 triệu tấn, trong đó Công ty mẹ bán ra đạt 1,2 triệu tấn (quy gạo);

- Tổ chức tốt khâu sản xuất gắn với việc phát triển vùng nguyên liệu thông qua các mô hình liên kết để tạo nguồn gạo nguyên liệu ổn định, xây dựng bộ thương hiệu với các nhãn hàng gạo chất lượng cao, đáp ứng các phân khúc thị trường trong nước, tiến tới xuất khẩu gạo chất lượng cao mang thương hiệu Vinafood1 gắn với thương hiệu gạo Việt Nam ra thị trường thế giới;

- Mở rộng hoạt động xuất khẩu các mặt hàng nông sản có lợi thế trong nước như sắn, ngô,...nhằm phát huy thế mạnh chuỗi liên kết Công ty mẹ - Công ty con và khai thác tối đa lợi thế các mặt hàng nông sản ngoài gạo tại các vùng miền trên cả nước.

2. Về ngành muối

- Giao Tổng công ty tiếp tục thực hiện Đề án thu mua muối cho diêm dân, gắn với sản xuất, cung ứng muối I ốt; phát triển vùng muối nguyên liệu tại các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Ninh Thuận,...hướng tới việc bao tiêu nguyên liệu muối chất lượng cao phục vụ thị trường nội địa và gia tăng kim ngạch xuất khẩu tại thị trường quốc tế, mở ra hướng phát triển cho ngành Muối Việt Nam;

- Tiếp tục đầu tư xây dựng mới một số cơ sở sản xuất muối chất lượng cao tại các địa bàn trọng điểm; tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất muối để hạ giá thành, nâng cao chất lượng, đáp ứng đủ nhu cầu muối cho sản xuất công nghiệp và đời sống nhân dân.

3. Về kinh doanh lương thực, thực phẩm chế biến

Phát triển đa dạng các sản phẩm lương thực, thực phẩm chế biến theo hướng chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm thông qua việc đầu tư mới các dự án áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến hoặc liên doanh, liên kết M&A với các đối tác có thế mạnh trong và ngoài nước.

4. Về kinh doanh các ngành khác

Rà soát các nguồn lực hiện có, kinh doanh các ngành hàng phụ trợ khác trong lĩnh vực chế biến, bảo quản, phân phối phục vụ trực tiếp cho ngành nghề kinh doanh chính, đảm bảo nguyên tắc kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người lao động.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp thị trường

- Nâng cao chất lượng các bộ phận nghiên cứu, phân tích, đánh giá và dự báo các diễn biến kinh tế - xã hội, đối thủ cạnh tranh để đưa ra các chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn;

- Xây dựng chiến lược phát triển riêng biệt cho thị trường trong nước và quốc tế. Tập trung phát triển thương hiệu gạo cao cấp, gạo thơm Vinafood1...nhằm gia tăng thị phần nội địa, từng bước xây dựng thương hiệu của Tổng công ty trên thị trường quốc tế;

- Củng cố, gia tăng thị phần tại các thị trường nhập khẩu gạo tập trung lớn như Cuba, Philippines, Indonesia, Malaysia, Haiti; nghiên cứu, phát triển gia tăng thị phần tại các thị trường thương mại lớn, nhiều tiềm năng như Trung Quốc, Châu Phi; thâm nhập các thị trường mới, giá trị gia tăng cao như Châu Mỹ, Trung Đông, Châu Âu...;

- Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng hoạt động của các văn phòng đại diện, kho ngoại quan để tiếp cận các thị trường tiềm năng, cải tiến công tác tổ chức hội chợ và tích cực tham gia các hội chợ quốc tế; nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ bán lẻ và thương mại điện tử;

- Tiếp tục phát triển thị trường trong nước, tăng cường hoạt động nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, phân bón, lúa mỳ và các nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước chưa đáp ứng đủ, đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

2. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, tác động của môi trường

- Nghiên cứu, hợp tác trong liên kết 4 nhà để từng bước đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu theo hướng an toàn, bền vững, tiết kiệm các nguồn tài nguyên đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất như Vietgap, Organic, SRP (bộ tiêu chuẩn quốc tế về sản xuất lúa gạo bền vững)...;

- Tăng dần tỷ trọng tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm thương hiệu có chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ...nhằm gia tăng giá trị thương mại của sản phẩm.

3. Giải pháp đầu tư phát triển

- Tập trung đầu tư các dự án nâng cao năng lực chế biến lúa gạo, nông sản nhằm hình thành cơ sở vật chất phục vụ chiến lược phát triển gạo thương hiệu, thực hiện chuỗi liên kết giá trị khép kín từ sản xuất tới tiêu thụ và giữa các đơn vị trong toàn Tổng công ty, nâng cao sức mạnh tổng hợp, tăng khả năng cạnh tranh;

- Chủ động, tích cực tìm kiếm đối tác hợp tác trong việc nghiên cứu, đầu tư xây dựng mới hoặc thông qua liên doanh, mua bán, sáp nhập để thực hiện các dự án đầu tư vốn trong các lĩnh vực giống, phát triển vùng nguyên liệu, chế biến sâu các sản phẩm nông sản có giá trị gia tăng cao nhằm ổn định nguồn nguyên liệu có chất lượng và đầu ra cho sản xuất;

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, kêu gọi đối tác đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia các dự án của Tổng công ty, đặc biệt là của các thành viên trong giai đoạn 2016-2020 giúp khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

4. Giải pháp tài chính

- Có kế hoạch tài chính chi tiết, áp dụng các giải pháp quản lý dòng tiền hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tối thiểu hóa rủi ro và chi phí tài chính; cân đối linh hoạt cơ cấu vay USD, VND để có được lãi suất bình quân thấp;

- Tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực tài chính song song với việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro tỷ giá nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, quản lý vốn;

- Tăng cường công tác quản lý tài chính trong các đơn vị thành viên, có biện pháp giám sát và quản lý công nợ, phấn đấu không phát sinh mới các khoản nợ phải thu khó đòi;

- Ưu tiên góp, bổ sung vốn vào các công ty hoạt động có hiệu quả và không thực hiện giảm tỷ lệ vốn nắm giữ tại các công ty này.

5. Giải pháp tái cơ cấu, quản lý, quản trị doanh nghiệp

- Tập trung xây dựng Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Bắc và các đơn vị thành viên giai đoạn 2016-2020; tập trung tái cơ cấu vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết theo hướng giảm tỷ lệ sở hữu tại các đơn vị kinh doanh không có hiệu quả, tăng đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động chủ lực, hoạt động có hiệu quả;

- Xây dựng và ban hành các quy trình quản lý phục vụ giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, gồm: quy trình kế hoạch ngân sách và dự báo, quản lý rủi ro tài chính, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các công ty con, công ty liên kết, quy chế công bố thông tin;

- Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, công tác quản lý vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết; tăng cường chất lượng, vai trò người quản lý đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

6. Công tác tổ chức, đào tạo nguồn nhân lực

- Cải cách chính sách về lương, thưởng đảm bảo tiền lương, tiền công gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, linh hoạt và có cơ chế đặc thù đối với chuyên gia giỏi, đề lương, thưởng trở thành những công cụ quan trọng phục vụ đặc lực cho tăng trưởng thông qua việc khuyến khích các nhân tố mới về thị trường, phương thức kinh doanh; xây dựng cơ chế đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020; có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng để đảm bảo nguồn cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ, kỹ thuật có trình độ chuyên môn, trình độ quản lý phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế đáp ứng được yêu cầu phát triển các ngành hàng, lĩnh vực kinh doanh mới từ nay đến năm 2020;

- Thực hiện quy hoạch nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý trung, cao cấp theo đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn, quy trình đảm bảo bổ sung thường xuyên, kịp thời lực lượng cán bộ quản lý đủ mạnh, năng động, sáng tạo có bản lĩnh kinh doanh đồng thời có đạo đức, tâm huyết với sự phát triển của ngành lương thực.

7. Giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các giải pháp tiết kiệm trong sản xuất, chế biến và khâu quản lý nhằm giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước; đảm bảo mục tiêu, yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm sau cao hơn năm trước. Việc hoàn thành kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm là một trong những tiêu chí

đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của bộ máy quản lý điều hành Tổng công ty và người đại diện quản lý vốn của Tổng công ty tại các công ty con;

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, tập trung vào các biện pháp phòng ngừa; chú trọng đến các lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tiêu cực, lãng phí như quản lý tiền hàng, đầu tư xây dựng, quản lý đất đai...; tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty; xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng thành viên Tổng công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo và trực tiếp tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm (giai đoạn 2016-2020) của Tổng công ty. Báo cáo Bộ kết quả định kỳ theo quy định và những vướng mắc trong quá trình thực hiện để kịp thời phối hợp, điều chỉnh, xử lý.

2. Căn cứ các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước, tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Hội đồng thành viên lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể hàng năm báo cáo Bộ phê duyệt để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ; Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính-Cục TCDN;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm soát viên Tcty;
- Lưu VT, QLDN. (05)



Hà Công Tuấn